

Bản án số: 04/2024/KDTM-ST

Ngày: 05 - 4 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng

Ông Phạm Thuận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Minh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2023/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-KDTM ngày 13/3/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần K Việt Nam (Công ty K), địa chỉ: Số X đường T, phường B, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Bạch T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn Q - Nhân viên Công ty Cổ phần K Việt Nam (Giấy ủy quyền số 499/GUQ/2023 ngày 25/9/2023). Ông Q có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH MTV B, địa chỉ: Số K đường M, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện nộp ngày 26/10/2023, Bản tự khai ngày 05/02/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 01/12/2022 Công ty Cổ phần K Việt Nam Chi nhánh tại Đà Nẵng (Bên B) và Công ty TNHH MTV B (Bên A) ký Hợp đồng kiểm soát dịch hại số 405/22/HĐPCO. Theo hợp đồng, loại dịch hại Bên B chịu trách nhiệm kiểm soát cho bên A gồm: Côn trùng bay: Ruồi, muỗi; côn trùng bò: Gián, kiến và loại gặm

nhằm: Chuột nhắt, chuột đàn, chuột cống. Khu vực xử lý: Khu vực kho, văn phòng làm việc, khu vực sơ chế, chế biến thức ăn, vệ sinh và tập kết rác thải. Tần suất xử lý: Kiểm soát côn trùng: 02 lần/tháng, kiểm soát chuột: 04 lần/tháng. Chi phí kiểm soát côn trùng và chuột: 2.800.000đ/tháng. Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng có giá trị trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ký và hợp đồng sẽ tự động gia hạn nếu hai bên không có thoả thuận nào khác.

Công ty K đã thực hiện kiểm soát côn trùng và chuột cho Công ty TNHH MTV B (Công ty B) và xuất 07 hoá đơn giá trị gia tăng như sau: Ngày 22/12/2022, đèn bẫy côn trùng PESTTECH FOS-01, số tiền 2.808.000đ; ngày 26/12/2022, kiểm soát côn trùng và chuột tháng 12/2022, số tiền 3.024.000đ; ngày 29/01/2023, kiểm soát côn trùng và chuột tháng 01/2023, số tiền 3.080.000đ; ngày 24/02/2023, kiểm soát côn trùng và chuột tháng 02/2023, số tiền 3.080.000đ; ngày 23/3/2023, kiểm soát côn trùng và chuột tháng 3/2023, số tiền 3.080.000đ; ngày 24/4/2023, kiểm soát côn trùng và chuột tháng 4/2023, số tiền 3.080.000đ và ngày 24/4/2023, keo đèn bẫy côn trùng, số tiền 110.000đ. Tổng cộng là 18.262.000đ.

Công ty K đã yêu cầu Công ty B thanh toán tổng số tiền trên nhưng Công ty B chỉ hứa hẹn mà chưa thanh toán.

Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, Công ty K yêu cầu Toà buộc Công ty TNHH B thanh toán tổng số tiền 18.262.000đ (Mười tám triệu, hai trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

*** Bị đơn Công ty TNHH Bép vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên không có bản trình bày.**

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 280, Điều 513, khoản 1 Điều 519 Bộ luật Dân sự; Điều 74, khoản 1 Điều 85, 87 Luật Thương mại: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty K, buộc Công ty TNHH B thanh toán cho Công ty K tổng số tiền là 18.262.000đ (Mười tám triệu, hai trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm Công ty B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Tại Thông báo thụ lý số 41/2023/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2023 và quá trình tố tụng, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng kiểm soát dịch hại*”. Căn cứ vào đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án thể hiện ý chí xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần K Việt Nam đối với Công ty TNHH MTV B có địa chỉ tại quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn Công ty TNHH B vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty TNHH B.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần K Việt Nam thì thấy: Công ty Cổ phần K Việt Nam Chi nhánh tại Đà Nẵng (Bên B) được uỷ quyền của Công ty Cổ phần K Việt Nam có ký kết với Công ty TNHH MTV B (Bên A) 01 Hợp đồng kiểm soát dịch hại số 405/22/HĐPCO ngày 01/12/2022. Cụ thể: Loại dịch hại Bên B chịu trách nhiệm kiểm soát cho bên A gồm: Côn trùng bay: Ruồi, muỗi; côn trùng bò: Gián, kiến và loại gặm nhấm: Chuột nhắt, chuột đàn, chuột cống. Khu vực xử lý: Khu vực kho, văn phòng làm việc, khu vực sơ chế, chế biến thức ăn, vệ sinh và tập kết rác thải. Tần suất xử lý: Kiểm soát côn trùng: 02 lần/tháng, kiểm soát chuột: 04 lần/tháng. Chi phí kiểm soát côn trùng và chuột: 2.800.000đ/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng có giá trị trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ký và hợp đồng sẽ tự động gia hạn nếu hai bên không có thỏa thuận nào khác.

Như vậy, Hợp đồng kiểm soát dịch hại nêu trên được ký kết giữa Công ty K và Công ty B hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội theo quy định tại Điều 513 Bộ luật Dân sự; Điều 74 Luật Thương mại nên có hiệu lực ràng buộc các bên tham gia kể từ thời điểm ký kết.

Thực hiện hợp đồng, Công ty K đã thực hiện kiểm soát côn trùng và chuột cho Công ty B theo các Biên bản nghiệm thu ngày 03, 04, 06, 10, 17, 24/12/2022; 07, 14, 17, 28/01/2023; 04, 11, 18, 24/02/2023; 04, 11, 18, 24/3/2023; 02, 07, 14, 21/4/2023. Đồng thời, Công ty K đã xuất 07 hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty B như sau: Ngày 22/12/2022, đèn bẫy côn trùng PESTTECH FOS-01, số tiền 2.808.000đ; ngày 26/12/2022, kiểm soát côn trùng và chuột tháng 12/2022, số tiền 3.024.000đ; ngày 29/01/2023, kiểm soát côn trùng và chuột tháng 01/2023, số tiền 3.080.000đ; ngày 24/02/2023, kiểm soát côn trùng và chuột tháng 02/2023, số tiền 3.080.000đ; ngày 23/3/2023, kiểm soát côn trùng và chuột tháng 3/2023, số tiền 3.080.000đ; ngày 24/4/2023, kiểm soát côn trùng và chuột tháng 4/2023, số tiền 3.080.000đ và ngày 24/4/2023, keo đèn bẫy côn trùng, số tiền 110.000đ. Tổng cộng là 18.262.000đ.

Công ty K đã thực hiện đúng quy định tại Điều 6 Hợp đồng kiểm soát dịch hại: “Bên B sẽ xuất hoá đơn cho bên A kể từ ngày 20 hàng tháng sau khi hoàn thành các đợt xử lý định kỳ trong tháng”. Mặc dù, Công ty K đã được nhiều lần thông báo nhắc nợ nhưng Công ty B không thanh toán mà chỉ hứa hẹn, không có thiện chí hợp tác thanh toán các khoản chi phí với số tiền 18.262.000đ từ ngày 22/12/2022 đến ngày 24/4/2024 mà Công ty B phải thanh toán cho Công ty K là vi phạm Điều 6 Hợp đồng kiểm soát dịch hại: “Bên A thanh toán hàng tháng cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, ngay sau khi việc xử lý được hoàn tất, có biên bản nghiệm thu đã được hai bên ký xác nhận và nhận được hoá đơn thanh toán hợp lệ của bên B” và vi phạm khoản 1 Điều 85 Luật Thương mại.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 519 Bộ luật Dân sự; Điều 87 Luật Thương mại, HĐXX buộc Công ty TNHH MTV B thanh toán cho Công ty Cổ phần K Việt Nam tổng số tiền là 18.262.000đ (Mười tám triệu, hai trăm sáu mươi hai ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty K được chấp nhận nên Công ty TNHH B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 280, Điều 513, khoản 1 Điều 519 Bộ luật Dân sự; Điều 74, khoản 1 Điều 85, 87 Luật Thương mại;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần K Việt Nam về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” đối với Công ty TNHH MTV B.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH MTV B phải thanh toán cho Công ty K tổng số tiền là 18.262.000đ (Mười tám triệu, hai trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Công ty TNHH B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) cho Công ty Cổ phần K Việt Nam đã nộp theo biên lai thu số 0002990 ngày 24/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 05/4/2024. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp